

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM ĐÁP ỨNG NHU CẦU VỀ NGUỒN NHÂN LỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CHO CÁC DOANH NGHIỆP

ThS. Nguyễn Văn Giang
Khoa Công nghệ Thông Tin

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, chất lượng nguồn nhân lực sẽ là yếu tố quyết định nâng cao năng lực cạnh tranh và sự thành công của mỗi quốc gia. Văn kiện Đại hội Đảng Toàn quốc lần thứ XII, phân phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 đã chỉ ra một trong những phương hướng, giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là *chuyển mạnh quá trình giáo dục chủ yếu từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học, học đi đôi với hành, lý luận phải gắn với thực tiễn*,...nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

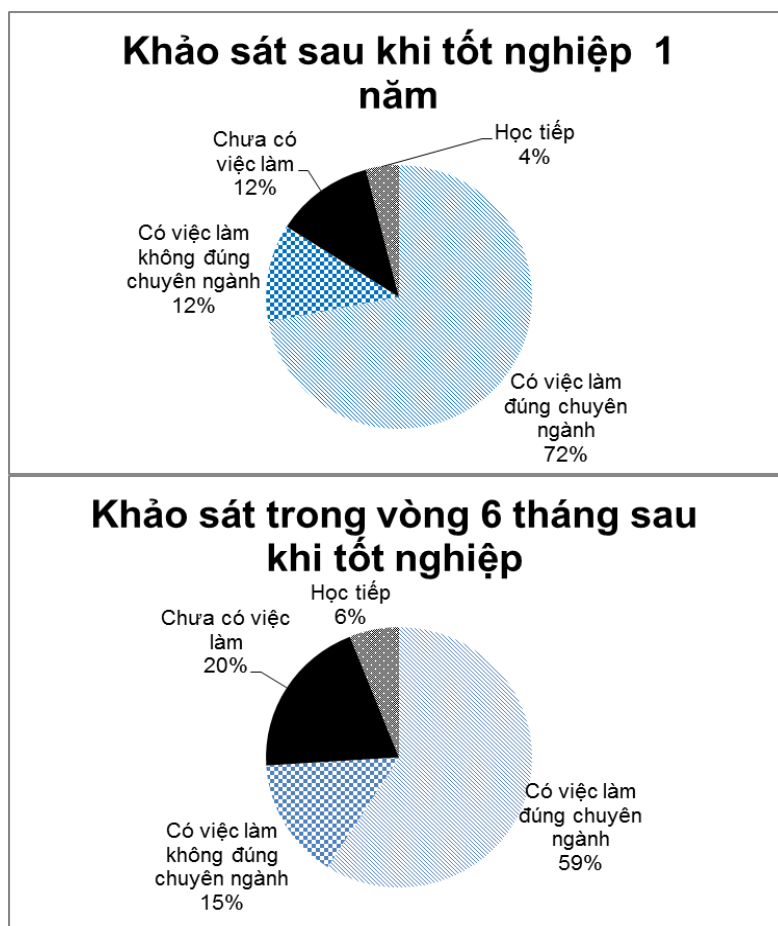
Để hiện thực hóa chủ trương của Đảng, ở góc độ khoa chuyên ngành, tôi xin trình bày một số suy nghĩ và giải pháp để HS-SV ra trường đáp ứng được nhu cầu về nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp.

II. THỰC TRẠNG VỀ NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN HIỆN NAY VÀ TỶ LỆ SINH VIÊN SAU TỐT NGHIỆP CỦA KHOA CNTT CÓ VIỆC LÀM.

Theo khảo sát của Công ty tuyển dụng trực tuyến VietnamWorks (tháng 11 năm 2015) thì nhu cầu tuyển dụng lao động ngành Công Nghệ Thông Tin (CNTT) đang dẫn đầu nhu cầu tuyển dụng hiện nay và đang ở mức báo động đỏ. Ước tính Việt Nam sẽ thiếu hụt khoảng 78.000 nhân lực CNTT mỗi năm, và đến năm 2020 sẽ thiếu hơn 500.000 nhân lực CNTT, chiếm hơn 78% tổng số nhân lực CNTT thị trường cần. Trong đó ngành Công nghệ phần mềm là thiếu nhiều nhất, cụ thể .NET, C/C++, Java, PHP và Web là những chuyên môn có nhu cầu tuyển dụng tăng nhanh nhất, trong đó Web và Java là 2 kỹ năng hàng đầu đang được săn đón hiện nay.

Tuy nhiên, mặc dù thị trường thiếu hụt hàng trăm ngàn lao động ngành CNTT nhưng trong thực tế so với các ngành kỹ thuật khác thì ngành CNTT là một trong những ngành có số lượng HS-SV tốt nghiệp ra trường không xin được việc làm hoặc phải đào tạo lại rất lớn lên đến hàng ngàn HS-SV mỗi năm. Lý giải nguyên nhân, theo đánh giá của các nhà tuyển dụng chỉ khoảng 30% nhân lực đã qua đào tạo ngành CNTT đáp ứng được yêu cầu của xã hội, còn lại phải đào tạo bổ sung. Trong khi đó chỉ có khoảng 14% vị trí tuyển dụng ngành CNTT có cung cấp khóa đào tạo.

Thống kê của khoa CNTT năm 2015, tỷ lệ SV bậc Cao đẳng chính quy có việc làm đúng chuyên ngành sau 1 năm tốt nghiệp là 72%, 12% làm việc không đúng chuyên ngành, 4% học tiếp và 12 % chưa có việc làm. Tuy nhiên nếu chỉ thống kê trên số SV mới tốt nghiệp (trong vòng 6 tháng) thì tỷ lệ có việc làm đúng chuyên ngành chỉ khoảng 59%, 15 % làm việc không đúng chuyên ngành, 6% học tiếp và 20% chưa có việc làm.



Hình 1: Tỷ lệ SV có việc làm của khoa CNTT

Như vậy, theo thống kê tỷ lệ SV có việc làm ngay, đúng chuyên ngành tại khoa CNTT tương đối cao so với mặt bằng chung trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Tuy nhiên sự chênh lệch về tỷ lệ có việc làm đúng chuyên ngành của SV mới tốt nghiệp với SV tốt nghiệp sau 1 năm, tỷ lệ SV học tiếp và tỷ lệ SV thất nghiệp cũng có thể thấy nhiều SV sau khi tốt nghiệp chưa đáp ứng được ngay nhu cầu của xã hội.

III. CÁC NGUYÊN NHÂN VÀ GIẢI PHÁP

1. Nguyên nhân:

Qua tìm hiểu thực tế và kết hợp với ý kiến của các công ty tuyển dụng, sở dĩ đa số lao động ngành CNTT ở Việt Nam hiện nay không đáp ứng được với nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp là do các nguyên nhân sau:

- *Thứ nhất* là trình độ ngoại ngữ của HS-SV sau khi tốt nghiệp kém, trong khi yếu tố ngoại ngữ là yêu cầu quan trọng của ngành CNTT vì đa số các phần mềm, tài liệu chuyên ngành đều viết bằng tiếng Anh. Đặc biệt là hiện nay đa số các công ty CNTT thuộc lĩnh vực outsourcing, chuyên gia công phần mềm cho các khách hàng nước ngoài, thì khả năng ngoại ngữ là vô cùng cần thiết. Điều này càng đặc biệt cấp thiết khi việc hội nhập Cộng đồng Kinh tế ASEAN và Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương được kì vọng sẽ đem lại một thị trường khách hàng lớn hơn để ngành CNTT Việt Nam có thể tiếp cận.
- *Thứ hai* là kĩ năng mềm và tính năng động, chủ động tích lũy kiến thức và kinh nghiệm. Đây là điểm yếu của nhân lực Việt Nam nói chung và đặc biệt rất quan trọng với nhân lực với ngành IT.
- *Thứ ba* là chuyên môn của HS-SV tốt nghiệp còn yếu, chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp và cũng chưa thực sự đạt được chuẩn đầu ra như công bố của các trường (do có khoảng cách giữa năng lực thực sự và điểm số của sinh viên).
- *Thứ tư*, đặc thù của ngành CNTT là một trong những ngành có tốc độ phát triển về công nghệ nhanh nhất trong khi sự cập nhật chương trình của các trường cũng như cập nhật công nghệ mới của đội ngũ giảng viên thường chậm hơn nhiều.

2. Đề xuất giải pháp:

- *Thứ nhất*, để cải thiện trình độ ngoại ngữ của HS-SV:

- Kết hợp dạy tiếng Anh với các môn học khác đặc biệt là các môn học chuyên ngành; cho phép các khoa sử dụng giáo trình chính thức hay slides bằng tiếng Anh đối với một số môn chuyên ngành đặc biệt là các môn học ứng dụng công nghệ mới (vì giáo trình hay sách tham khảo bằng tiếng Việt cho các môn học này thường bị “lạc hậu” so với thế giới vài năm).
- Chuyển việc dạy Anh văn chuyên ngành cho các khoa chuyên ngành, việc giảng dạy đạt hiệu quả hơn nếu giảng viên vừa có trình độ chuyên môn và ngoại ngữ. Hiện khoa CNTT đã chuẩn bị xong đội ngũ giảng viên để bắt đầu dạy Anh văn chuyên ngành từ năm học 2016-2017.
- Đối với môn Anh văn, cần cải tiến cách dạy và đánh giá kết quả học tập. Trong giờ học, giảng viên cần hạn chế nói tiếng Việt. Nhiều HS-SV của trường có điểm tổng kết môn Anh văn xếp loại khá nhưng không thể dịch được một câu tiếng Anh đơn giản và cũng không biết cách tra từ để dịch.

- *Thứ hai*, để nâng cao kỹ năng mềm và tính năng động, chủ động cho HS-SV:

- Tổ chức các buổi họp mặt giao lưu với cựu HS-SV hàng năm. Sự chia sẻ của cựu HS-SV tốt nghiệp về kinh nghiệm tìm việc làm hay kinh nghiệm nghề nghiệp sẽ giúp HS-SV có định hướng nghề nghiệp cho tương lai và động cơ học tập tốt hơn. Khoa CNTT sẽ đề xuất tổ chức định kỳ vào ngày 01/04 hàng năm (kỷ niệm ngày thành lập khoa 01/04/2004)
- Nên đổi môn học “Kỹ năng giao tiếp” thành “Kỹ năng mềm” bao gồm thêm các nội dung như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng ra quyết định và xử lý vấn đề, kỹ năng làm hồ sơ và tham dự phỏng vấn tuyển dụng,...Khi giảng dạy môn học này cũng nên gắn nội dung với các tình huống thực tế.
- Thông qua quá trình giảng dạy các môn học, giảng viên cần lồng ghép việc rèn luyện các kỹ năng mềm cho HS-SV như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng học và tự học, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng giao tiếp,...và định hướng nghề nghiệp cho HS-SV.

- Duy trì hoạt động của diễn đàn khoa CNTT để tạo sân chơi, giao lưu học tập cho HS-SV khoa CNTT.
- Nhà trường, Đoàn và khoa nên nghiên cứu tổ chức các hoạt động để giúp nâng cao các kỹ năng mềm cho HS-SV.

- *Thứ ba*, để nâng cao chuyên môn của HS-SV tốt nghiệp, đạt được chuẩn đầu ra của trường:

- Bản thân mỗi giảng viên cần ý thức được vai trò trách nhiệm của mình trong công tác giảng dạy, luôn nỗ lực tìm tòi, cải tiến phương pháp giảng dạy để nâng cao hiệu quả giảng dạy. Bên cạnh đó công tác đánh giá kết quả của HS-SV cũng cần được quan tâm, tránh tâm lý hời hợt, dễ dãi tạo tâm lý ỷ lại cho HS-SV dẫn đến hậu quả HS-SV tốt nghiệp nhưng không đạt “chuẩn”.
- Đề thi và kiểm tra cần phân loại được HS-SV, phản ánh đúng năng lực của từng HS-SV theo mục tiêu của học phần và có “phổ điểm trải rộng”. Tùy thuộc vào đặc thù của từng môn học, giáo viên nên chọn và đề xuất với khoa hình thức thi phù hợp. Giảng viên nên ra đề theo hướng đánh giá kỹ năng, năng lực thực tế (ví dụ HS-SV phải hoàn thành một sản phẩm thực tế, kỹ năng xử lý các vấn đề thực tế của nghề nghiệp). Sử dụng nhiều biện pháp để hạn chế sự gian lận của HS-SV khi kiểm tra hoặc thi. Ví dụ ra nhiều đề, công tác coi thi hay kiểm tra cần nghiêm túc. Xử phạt nghiêm các HS-SV có hành vi gian lận.
- Khoa CNTT cần đề xuất cơ chế yêu cầu HS-SV chuyên ngành Mạng máy tính, từ năm thứ 2 trở đi phải tham gia công tác bảo trì và sửa chữa máy tính cho các phòng máy của khoa HS-SV của khoa để có điều kiện bổ sung kiến thức và kinh nghiệm thực tế và nâng cao ý thức bảo quản tài sản, trang thiết bị của khoa. Khoa CNTT sẽ trình đề xuất về vấn đề này cho Nhà trường để triển khai từ năm học 2016-2017.

- *Thứ tư*, để chương trình của khoa cập nhật được công nghệ mới, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp:

- Trên cơ sở các ý kiến đóng góp của doanh nghiệp và cựu HS-SV, khoa cần thường xuyên điều chỉnh chương trình đào tạo để đáp ứng được sự thay đổi và nhu cầu của thị trường lao động.
- Nhà trường nên xây dựng lộ trình cho việc biên soạn chương trình đào tạo trong đó bắt buộc phải có sự tham gia đóng góp ý kiến của các doanh nghiệp, đồng thời cần cho phép khoa được chủ động hơn trong việc lựa chọn các môn học và thời lượng của phần kiến thức đại cương nhưng vẫn đảm bảo quy định của Bộ GD&ĐT. Nhà trường cần quan tâm hơn đối với việc cập nhật chương trình của các khoa và cần xem công tác biên soạn, cập nhật chương trình là một trong những nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của giáo viên.
- Nhà trường cần có chính sách cho giảng viên đi học bồi dưỡng về công nghệ mới hàng năm hoặc cơ chế để khuyến khích giảng viên tự bồi dưỡng, lấy chứng chỉ quốc tế về công nghệ mới. Vì nếu giảng viên chưa nắm bắt và cập nhật được công nghệ mới thì không thể đưa vào giảng dạy cho HS-SV được. Hiện khoa CNTT đã đưa một số môn học ứng dụng công nghệ mới mà thị trường đang có nhu cầu cao như Lập trình nhúng và Lập trình trên thiết bị di động vào chương trình giảng dạy bậc Cao đẳng chính quy. Từ năm học 2015 khoa CNTT cũng đã mở thêm chuyên ngành Công nghệ Web để đáp ứng xu thế tuyển dụng hiện nay của các doanh nghiệp.
- Nhà trường cần có chính sách hỗ trợ để khoa CNTT khôi phục lại hoạt động của Câu lạc bộ Tin học, thường xuyên tham gia cũng như tổ chức các cuộc thi ứng dụng về CNTT, tạo ra sân chơi lành mạnh cho sinh viên. Trên cơ sở này kết hợp với nhu cầu của Doanh nghiệp và tạo ra sản phẩm được ứng dụng vào thực tế. Đây cũng là cơ sở để khoa điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp hơn.
- Khoa cần tận dụng nguồn lực từ giảng viên, HS-SV để từng bước tạo ra các sản phẩm có thể thương mại được. Đây là cơ sở để chứng thực vị trí của khoa đối với thị trường CNTT hiện nay.

V. KẾT LUẬN

Mục tiêu đào tạo của Nhà trường là HS-SV ra trường có đủ kiến thức và kỹ năng, đáp ứng được nhu cầu về nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp cũng như theo đúng chuẩn đầu ra của trường. Đây là cũng là sứ mệnh của Nhà trường đối với Xã hội, góp phần quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới. Bên cạnh đó, chất lượng đào tạo của Nhà trường cũng như tỷ lệ HS-SV ra trường có việc làm ngay là kênh quảng cáo tốt nhất giúp thu hút HS-SV, giúp cho trường CĐ KT Lý Tự Trọng không ngừng phát triển đi lên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

<http://hrinsider.vietnamworks.com/category/goc-bao-chi/thi-truong-lao-dong-goc-bao-chi/>
<http://vnexpress.net/tin-tuc/giao-duc/thieu-hut-nhan-luc-cong-nghe-thong-tin-o-muc-bao-dong-do-3241056.html>